

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62 /2023/DS-ST
Ngày 21-6-2023
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Song Hoàn
- Ông Nguyễn Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh T.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Y, Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-DS ngày 23/5/2023; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị A, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 1142/1/8 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 1142/1/6 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 1142/1/10 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Có mặt.

2. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 1488/18 đường B, phường Z, thành phố X, tỉnh Y. Có mặt

3. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1960

Địa chỉ: Nhà Trọ K, phường U, thành phố O, tỉnh R. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1971

Địa chỉ: 1216/31/3 đường B, Phường Z, Thành phố X, Tỉnh Y. Có mặt

5. Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: 149 F, Phường Z, Thành phố X, Tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

6. Ông Bùi Văn E, sinh năm 1964

Địa chỉ: 153 F, Phường Z, Thành phố X, Tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

7. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: 51 I, Phường J, Thành phố X, Tỉnh Y. Có mặt.

8. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1982

Địa chỉ: 646/52C đường B, Phường N, Thành phố X, Tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

9. Ông Bùi Văn P, sinh năm 1976

Địa chỉ: 65/20/18 A, phường N, thành phố X, tỉnh Y. (Chết ngày 17/5/2023)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hùng:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (vợ ông P) và bà Bùi Thị Y, sinh năm 2002 (con gái ruột ông P); Cùng địa chỉ: 65/20/18 C, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Có mặt

Người làm chứng:

1. Bà Bùi Thủy H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 1216/57/21 đường B, phường Z, thành phố X, tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 1148 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Bà Vũ Trọng Uyên R, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 1216/57/21 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:**

Bố của bà là Bùi Văn Đ, mẹ bà Nguyễn Thị N, bố mẹ bà sinh được 5 người con chung gồm bà là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn T sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn Y sinh năm 1959. Ông Đ chết năm 1986, bà N chết năm 1993. Bố mẹ bà có hai người con riêng: Bùi Văn Đ (chết năm 1987), ông Bùi Văn Ư (chết năm 1987). Ông Bùi Văn Đ có vợ là Vũ Thị Lân (chết năm 2000) và có 04 người con là Bùi Thị V, Bùi Văn Q, Bùi Văn E, Bùi Thị L; Ông Bùi Văn Ư có vợ là Vũ Thị N (chết năm 2017) có 03 người con là Bùi Thị L, Bùi Văn D, Bùi Văn E.

Ông Bùi Văn Y sống một mình không có vợ con. Ông Y chết năm 2010, lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được UBND thành phố X cấp ngày 27/10/2006 đứng tên ông Bùi Văn Y. Nay diện tích nhà và đất của ông Bùi Văn Y tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được nhà nước đền bù số tiền 363.443.080 đồng theo Quyết định số 11487/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 và Quyết

định số 11495/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố X. Hiện nay số tiền đền bù nêu trên đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước X chưa có ai nhận.

Do vậy, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án chia phần di sản của ông Y để lại là số tiền 363.443.080đồng chia làm bốn bằng nhau cho các anh chị em của bà là bà, bà C, ông T, ông M theo quy định.

Đối với yêu cầu của bà C về việc tính chi phí nuôi dưỡng ông Y là 244.800.000đ bà không đồng ý. Vì ông Y vẫn đi làm bình thường, ông khỏe mạnh không ốm đau nên không cần bà C chăm sóc. Bà chỉ đồng ý hỗ trợ chi phí cho bà C số tiền 50.000.000đồng trong khối di sản của ông Y, số còn lại chia đều cho các anh chị em theo quy định. Đối với số tiền là 10.000.000đ bà C yêu cầu làm giấy tờ đất, đóng thuế trước bạ đóng thuế hàng năm cho ông Y thì căn cứ vào biên lai số tiền bà C đóng bao nhiêu thì tính trả cho bà C nhưng số tiền không đến 10.000.000đồng như bà C trình bày. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định.

Ngoài ra bà không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn bà Bùi Thị C trình bày: Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống.

Ông Bùi Văn Y sống một mình không có vợ con. Ông Y chết năm 2010, lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được UBND thành phố X cấp ngày 27/10/2006 đứng tên ông Bùi Văn Y. Nay diện tích nhà và đất của ông Bùi Văn Y tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được nhà nước đền bù số tiền 363.443.080đồng theo Quyết định số 11487/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 và Quyết định số 11495/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố X. Hiện nay số tiền đền bù nêu trên đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước X chưa có ai nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý yêu cầu Tòa án chia theo quy định nhưng phải chia phần cho các con của Ông U, ông Đ. Lúc ông Y còn sống nhà ông Y ở sát nhà bà nên bà có chăm sóc nuôi dưỡng ông Y. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản của ông Y cho bà đối với việc bà có nuôi dưỡng chăm sóc ông Y khi ông Y còn sống. Cụ thể: Bà đã chăm sóc ông Y từ ăn uống bệnh tật mua thuốc cho đến việc làm giấy tờ nhà đất và đóng thuế, sửa nhà cho ông Y 17 năm, 01 ngày hết 40.000đ: 40.000đ x 30 ngày = 1.200.000đ x 1 năm = 14.400.000đ x 17 năm = 244.800.000đ. Phần tiền làm giấy tờ đất, đóng thuế trước bạ đóng thuế hàng năm cho ông Y là 10.000.000đ. Còn đối với phần tiền sửa chữa nhà thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Vậy chi phí tổng cộng là 254.800.000đồng. Tuy nhiên bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc bà nuôi dưỡng ông Y. Bà yêu cầu trừ chi phí cho bà rồi còn bao nhiêu chia theo chia cho các anh chị em và các con của ông U, ông Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T trình bày:** Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống và tường trình quan hệ nhân thân.

Ông Bùi Văn Y là con thứ hai trong gia đình ông, ông Y sống một mình tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X và không có vợ, con. Ông Y chết năm 2010, lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được UBND thành phố X cấp ngày

27/10/2006 đứng tên ông Bùi Văn Y. Nay diện tích nhà và đất của ông Bùi Văn Y tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được nhà nước đền bù số tiền 363.443.080đồng theo Quyết định số 11487/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 và Quyết định số 11495/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố X. Hiện nay số tiền đền bù nêu trên đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước Vũng Tàu chưa có ai nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì ông đồng ý yêu cầu Tòa án chia phần di sản của ông Y thành bốn phần bằng nhau cho ông, bà C, bà A và ông M. Không đồng ý chia cho các con của ông U và ông Đ. Đối với yêu cầu tính chi phí nuôi dưỡng của bà C đối với ông Y 17 năm, 01 ngày hết 40.000đ: $40.000đ \times 30 \text{ ngày} = 1.200.000đ \times 1 \text{ năm} = 14.400.000đ \times 17 \text{ năm} = 244.800.000đ$ ông không đồng ý. Ông Y lúc sống khỏe mạnh chỉ bị hạn chế về trí tuệ không được nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được nhưng ông vẫn đi làm, tự lo cho bản thân không cần người chăm sóc. Bà C ở sát nhà của ông Y nên bà có chăm sóc ông Y nhưng không phải là 17 năm như bà C trình bày. Tôi chỉ đồng ý với ý kiến của bà A là hỗ trợ chi phí nuôi dưỡng cho bà C là 50.000.000đ trong phần di sản của ông Y.

Còn yêu cầu với số tiền 10.000.000đ bà C trình bày là chi phí thiết lập sổ đỏ, đóng thuế trước bạ, đóng thuế hàng năm ông chỉ đồng ý đối với phần bà C đóng thuế đất cho ông Y từ năm 1994 đến năm 2010. Còn giấy tờ nhà đất ông là người đi làm cho ông Y và đóng thuế từ năm 2010 cho đến nay. Tuy nhiên phần chi phí ông làm giấy tờ đất và đóng thuế đất cho ông Y ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông chỉ đồng ý với việc bà C đóng thuế đất hết bao nhiêu thì trả lại cho bà C theo biên lai có sẵn chứ số tiền không đến 10.000.000đ theo như bà C yêu cầu.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M trình bày:***

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và ông T về quan hệ huyết thống và tường trình quan hệ nhân thân.

Ông Bùi Văn Y sống một mình không có vợ con. Ông Y chết năm 2010, lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được UBND thành phố X cấp ngày 27/10/2006 đứng tên ông Bùi Văn Y. Nay diện tích nhà và đất của ông Bùi Văn Y tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được nhà nước đền bù số tiền 363.443.080đồng theo Quyết định số 11487/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 và Quyết định số 11495/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Hiện nay số tiền đền bù nêu trên đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước Vũng Tàu chưa có ai nhận.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn Y thì tôi đồng ý. Tôi đề nghị Tòa án chia di sản của ông Y cho bốn phần bằng nhau cho tôi, bà A, bà C và ông T. Lúc ông Y còn sống ông trình bày có sửa chữa nhà cho ông Y, tuy nhiên quá trình làm việc ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chi phí sửa nhà cho ông Y của ông.

Đối với yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc ông Y khi ông Y còn sống là 248.000.000đ và chi phí làm giấy tờ đất, đóng thuế trước bạ, đóng thuế hàng năm cho ông Y của bà C là 10.000.000đ ông không đồng ý. Lúc còn sống, ông Y chỉ bị hạn chế về trí tuệ không nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được nhưng ông vẫn đi làm thuê để kiếm tiền trang trải, tự lo cho bản thân không cần người chăm sóc. Có thời gian ông đưa ông Y về sống cùng và chăm sóc ông Y. Thời gian ông Y không còn

chung sống với gia đình ông thì tháng nào ông cũng cho tiền, giày dép, quần áo. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại tòa ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí chăm sóc nuôi dưỡng ông Y, ông chỉ trình bày cho mọi người biết anh chị em tự nguyện chăm sóc nhau. Do vậy, bà C yêu cầu tính chi phí 17 năm chăm sóc nuôi dưỡng ông Y ông không đồng ý.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Xuân trình bày:**

Ông bà nội của bà sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của bà tên là Bùi Văn Đạm, sinh năm 1929 và chết năm 1987. Mẹ bà là Vũ Thị Lân chết năm 2020. Bố mẹ tôi sinh được 05 người con là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Hoa chết năm 2006, Bùi Văn Bảo, Bùi Văn Đại và Bùi Thị Mai.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con. Lúc còn sống ông không được nhanh nhẹn không tính toán buôn bán được. Ai chỉ gì thì ông làm việc nấy vì ông vẫn khỏe mạnh bình thường. Tết năm nào bà về dưới Vũng Tàu bà đều ghé thăm ông Y, ông Thơm tự lo sinh hoạt cho ông không cần người chăm sóc. Lúc ông Y chết có để lại di chúc hay không bà không biết và bà cũng không biết ông Y có những tài sản nào để lại.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y bà không có ý kiến gì. Vì bố của bà chết năm 1987, trường hợp cần tham gia tố tụng theo quy định thì bà tham gia nhưng nếu bà được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật thì bà xin từ chối nhận và bà cam kết không khiếu nại gì. Hiện nay bà ở xa không tiện đi lại nên bà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra bà không có còn yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Bảo trình bày:**

Ông nội ông là Bùi Văn Đạm, bà nội ông là Nguyễn Thị Nhã, ông bà nội ông chết lâu rồi ông không nhớ.

Ông bà nội của ông sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của ông tên là Bùi Văn Đạm con riêng của ông nội ông, sinh năm 1929 và chết năm 1987. Mẹ ông là Vũ Thị Lân chết năm 2020. Bố mẹ ông sinh được 05 người con là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Hoa chết năm 2006, Bùi Văn Bảo, Bùi Văn Đại và Bùi Thị Mai.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con và sống một mình có bà C ở gần chăm sóc. Lúc còn sống ông là người bị hạn chế về trí tuệ không được nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được ai chỉ việc gì thì ông làm việc nấy vì ông vẫn khỏe mạnh bình thường. Ông ở xa ít có đến thăm ông Y nhưng ông Y tự lo sinh hoạt cho ông không cần người chăm sóc. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y ông không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của ông chết năm 1987, trường hợp cần tham gia tố tụng theo quy định thì ông tham gia nhưng nếu ông được hưởng một phần nào đó di sản của ông Thơm theo quy định pháp luật từ phần của bố ông thì ông xin từ chối nhận và đề nghị chia phần của ông cho tất cả mọi người. Ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra ông không có còn yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đại trình bày:**

Ông nội ông là Bùi Văn Đàm chết năm nào không nhớ, bà nội ông chết từ lúc ông chưa sinh ra nên ông không rõ. Ông bà nội của ông sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của ông tên là Bùi Văn Đàm con riêng của ông nội ông, sinh năm 1929 và chết năm 1987. Mẹ ông là Vũ Thị Lân chết năm 2020. Bố mẹ ông sinh được 05 người con là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Hoa chết năm 2006, Bùi Văn Bảo, Bùi Văn Đại và Bùi Thị Mai.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con và không có con nuôi, ông Y sống một mình ở sát vách nhà bà C. Lúc còn sống ông vẫn khỏe mạnh không ốm đau nhưng không được thông minh nhanh nhẹn như người bình thường. Ông Y thường đi cào ngao bắt ốc để sinh sống. Ông có thỉnh thoảng ghé thăm ông Y và ông Y cũng ghé nhà ông chơi. Ông Y tự sinh hoạt, tự lo cho ông không cần người chăm sóc. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y ông không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của ông chết năm 1987, trường hợp cần tham gia tố tụng theo quy định thì ông tham gia nhưng nếu ông được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật từ phần của bố ông thì ông xin từ chối nhận và không có ý kiến gì. Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra ông không có còn yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Mai trình bày:**

Ông nội bà là Bùi Văn Đàm chết năm nào không nhớ, bà nội bà chết từ lúc bà chưa sinh ra nên không nhớ rõ. Ông bà nội của bà sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của bà tên là Bùi Văn Đàm con riêng của ông nội bà, sinh năm 1929 và chết năm 1987. Mẹ bà là Vũ Thị Lân chết năm 2020. Bố mẹ bà sinh được 05 người con là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Hoa chết năm 2006, Bùi Văn Bảo, Bùi Văn Đại và Bùi Thị Mai.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con và không có con nuôi, ông Y sống một mình ở sát nhà bà C và có bà C nấu cơm cho ông Y, mua thuốc và chăm sóc cho ông Y lúc ông Y ốm còn chăm sóc như thế nào thì bà không chứng kiến nên không biết. Lúc còn sống ông Y vẫn khỏe mạnh không ốm đau nhưng không nhanh nhẹn không buôn bán tính toán được. Ông Y khỏe mạnh bình thường, ông đi cào ngao bắt ốc. Bà có thỉnh thoảng ghé thăm ông Y và cho ông ít tiền ăn quà. Ông Y tự sinh hoạt, tự lo cho ông không cần người chăm sóc. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y thì bà không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của bà chết năm 1987, trường hợp cần tham gia tố tụng theo quy định thì bà tham gia nhưng nếu bà được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật từ phần của bố bà thì bà sẽ nhận và không có ý kiến gì. Do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà và bà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lan trình bày:**

Ông nội bà là Bùi Văn Đàm chết năm nào không nhớ, bà nội bà chết từ lúc nào bà không nhớ rõ. Bà Nguyễn Thị Nhã là vợ hai của ông nội chết lâu rồi bà không nhớ. Ông bà nội của bà sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của bà là con riêng của bà nội bà tên là Bùi Văn Ương chết lâu rồi bà không nhớ. Mẹ bà là Vũ Thị Nói chết năm 2016. Bố mẹ bà sinh được 03 người con là Bùi Thị Lan, Bùi Văn Hùng và Bùi Văn Dũng.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con và không có con nuôi, ông Y sống một mình khi nào ông ốm có bà C chăm sóc nhưng không phải bà C nuôi dưỡng ông Y vì lúc ông Y còn sống ông chỉ bị hạn chế về trí tuệ không nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được ai chỉ ông làm gì thì ông làm vậy, ai cho gì thì ông ăn. Ông biết đi cào ngao bắt ốc bán lấy tiền ăn. Bà có thỉnh thoảng ghé thăm ông Y và chở ông về nhà bà nấu ăn cho ông. Ông Y tự sinh hoạt, tự lo cho ông không cần người chăm sóc, ông ít ốm đau, hôm đó ông đi cào ngao bị trúng gió chết nên không ai biết chứ không phải ông ốm nằm một chỗ cần người chăm sóc. Trong gia đình không ai nuôi dưỡng ông Thơm chỉ là tình cảm anh em chị em giúp đỡ nhau quan tâm nhau qua lại với nhau. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y thì bà không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của bà chết lâu rồi, trường hợp cần tham gia tố tụng theo quy định thì bà tham gia nhưng nếu bà được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật từ phần của bố bà thì bà sẽ nhận và không có ý kiến gì. Do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà và bà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D trình bày:***

Ông nội ông là Bùi Văn Đàm chết năm nào không nhớ, bà nội ông chết từ lúc nào không nhớ rõ. Bà Nguyễn Thị Nhã là vợ hai của ông nội chết lâu rồi ông không nhớ. Ông bà nội của ông sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của ông là con riêng của bà nội tên là Bùi Văn Ư chết lâu rồi ông không nhớ. Mẹ ông là Vũ Thị N chết năm 2014. Bố mẹ ông sinh được 03 người con là Bùi Thị Lan, Bùi Văn Hùng và Bùi Văn Dũng.

Ông Y là con thứ hai trong gia đình ông bà nội. Ông Y không có vợ con và không có con nuôi, ông Y sống một mình khi nào ông ốm có bà C ở gần chăm sóc. Ông Y còn sống ông chỉ bị hạn chế về trí tuệ không nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được ai chỉ ông làm gì thì ông làm vậy. Ông ở xa nhưng thỉnh thoảng ghé thăm ông Y. Ông Y khỏe mạnh tự sinh hoạt, tự lo cho ông không cần người chăm sóc và có bà C nấu cơm cho ông ăn. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y thì ông không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của ông chết lâu rồi, trường hợp ông được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật từ phần của bố ông thì ông sẽ nhận và không có ý kiến gì. Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra ông không có còn yêu cầu gì thêm.

Ngày 17/5/2023 ông Bùi Văn D chết.

Các người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hùng: Bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị Thúy Y trình bày: Các bà vẫn giữ nguyên ý kiến như của ông D. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn E trình bày:**

Ông nội ông là Bùi Văn Đàm chết năm nào không nhớ, bà nội ông chết từ lúc ông còn nhỏ không nhớ rõ. Bà Nguyễn Thị Nhã là vợ hai của ông nội chết lâu rồi ông không nhớ. Ông bà nội của ông sinh được 05 người con là Bùi Thị A sinh 1954; ông Bùi Văn Y sinh năm 1956; ông Bùi Văn M sinh 1964; bà Bùi Thị C sinh năm 1961; ông Bùi Văn T sinh năm 1959. Bố của ông tên là Bùi Văn U chết lâu rồi ông không nhớ là con riêng của bà Nguyễn Thị N. Mẹ ông là Vũ Thị N chết năm 2014. Bố mẹ ông sinh được 03 người con là Bùi Thị L, Bùi Văn D và Bùi Văn E.

Ông Y không có vợ con và không có con nuôi, ông Y sống một mình có bà C ở gần chăm sóc. Ông Y còn sống ông không nhanh nhẹn, không tính toán buôn bán được ai chỉ ông làm gì thì ông làm vậy. Ông ở xa nhưng thỉnh thoảng ghé thăm và ăn uống với ông Y. Ông Y khỏe mạnh tự sinh hoạt, tự lo cho ông không cần người chăm sóc. Ông được biết bà C có nấu cơm cho ông Thơm ăn còn bà C trình bày chăm sóc ông Y như thế nào ông không rõ vì ông thấy ông Y không ốm đau nằm một chỗ và ông Thơm ở nhà của ông Y. Lúc ông Y chết không để lại di chúc. Trước khi ông Y chết ông có tài sản là nhà và đất tại 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X.

Nay bà Bùi Thị A khởi kiện bà Bùi Thị C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y thì ông không có ý kiến gì đối với vụ kiện. Vì bố của ông chết lâu rồi, trường hợp ông được hưởng một phần nào đó di sản của ông Y theo quy định pháp luật từ phần của bố ông thì ông sẽ nhận và không có ý kiến gì. Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

*** Người làm chứng bà Trần Thị N, bà Vũ Trọng Uyên R, bà Bùi Thủy H trình bày:** Ông Bùi Văn Y sống sát cạnh nhà bà Bùi Thị C, bà C có nấu cơm cho ông Y ăn nhưng việc chăm sóc cho ông Y cụ thể của bà C như thế nào thì các bà không chứng kiến vì ông Y khỏe mạnh bình thường còn đi làm được, ai nhờ làm gì làm vậy, đi đào ngao kiếm tiền. Ông Y chưa thấy ốm đau phải nằm viện cần người chăm sóc. Ngoài ra không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị V, ông Bùi Văn Q, ông Bùi Văn E, ông Bùi Văn D vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hùng: Bà T và bà Thúy Y vẫn giữ nguyên ý kiến như của ông D đã trình bày. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh Y phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế tài sản của ông Y cho bà A, bà C, ông T, ông M theo quy định. Buộc thanh toán một phần chi phí nuôi dưỡng ông Y cho bà C và thanh toán tiền chi phí làm giấy tờ đất, đóng thuế trước bạ, đóng thuế hàng năm cho ông Thom của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn bà Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế số tiền 363.443.080 đồng là giá trị căn nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X được Nhà nước thu hồi và bồi thường thuộc dự án đường Cầu Cháy theo Quyết định thu hồi đất số 11487/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 11495/QĐ-UBND của UBND Thành phố X.

Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại Điều 612, 650, 651 của Bộ luật Dân sự, khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Bùi Thị C cư trú tại 1142/1/6 đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Xét sự vắng mặt của các đương sự*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Bà Bùi Thị V, ông Bùi Văn Q, ông Bùi Văn E, ông Bùi Văn D nhưng các ông bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố X là cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên Hội đồng xét xử xác định Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố X không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, các đương sự xác nhận chứng cứ đã cung cấp cho Tòa lưu tại hồ sơ vụ án, không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và tất cả các đương sự xác nhận không còn chứng cứ nào khác.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất : Vợ chồng ông Bùi Văn Đ (chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị N(chết năm 1993) có 5 người con chung gồm: bà Bùi Thị A, ông Bùi Văn Y, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị C và ông Bùi Văn M. Ông Bùi Văn Đ có 01 người con riêng là ông Bùi Văn Đ (chết năm 1987), bà Nguyễn Thị N có 01 người con riêng là ông Bùi Văn U' (chết năm 1987).

Ông Bùi Văn Đ có vợ là Vũ Thị L (chết năm 2000) và có 05 người con là Bùi Thị V, Bùi Văn Q, Bùi Văn E, Bùi Thị H chết năm 2006, Bùi Thị S; Ông Bùi Văn U'

có vợ là Vũ Thị N (chết năm 2017) có 03 người con là Bùi Thị L, Bùi Văn D, Bùi Văn D (chết ngày 17/5/2023, có vợ là Nguyễn Thị T và con ruột Bùi Thị Thúy Y).

Ông Bùi Văn Y sống một mình không có vợ con. Ông Y mất ngày 25/8/2010, ông Y mất không để lại di chúc nên di sản để lại được chia theo pháp luật. Ông Y không có hàng thừa kế thứ nhất. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ 2 của ông Thơm gồm: bà Bùi Thị A, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị C và ông Bùi Văn M. Ngoài ra, ông Bùi Văn Thơm còn có 02 người anh là Bùi Văn Đ và Bùi Văn U, nhưng do ông Đ và ông U đều chết năm 1987, chết trước ông Bùi Văn Y.

Theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự thì các con của ông Đ và ông U không thuộc trường hợp được hưởng thừa kế thế vị. Hàng thừa kế thế vị quy định cháu thế vị cha hoặc mẹ để hưởng phần di sản của ông bà, chất thế vị cha hoặc mẹ để hưởng phần di sản của cụ. Do vậy yêu cầu của bà Bùi Thị C đề nghị chia thừa kế thế vị cho các con của ông Đ và ông U là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Bùi Văn Y:

Bà A, bà C, ông M và ông T đều thừa nhận cha mẹ của ông Bùi Văn Y là ông Bùi Văn Đ chết năm 1986, bà Nguyễn Thị N chết năm 1993, ông Y không có vợ con và có các chị em ruột là Bà A, bà C, ông M và ông T, ông Đ chết năm 1987, ông U chết năm 1987. Ông Y chết ngày 25/8/2010, nên thời điểm mở thừa kế của ông Y kể từ ngày 25/8/2010. Trước khi chết, ông Y không để lại di chúc nên di sản của ông Y được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Y không có, nên di sản của ông Y để lại được chia cho hàng thừa kế thứ 2 của ông Y là bà Bùi Thị A, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị C và ông Bùi Văn M phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[2.2.1] Về nguồn gốc phần di sản thừa kế: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất thừa nhận tài sản để lại của ông Bùi Văn Y là căn nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X. Đến ngày 11/10/2021 thì nhà và đất trên được Nhà nước thu hồi và bồi thường thuộc dự án đường Cầu Cháy theo Quyết định thu hồi đất số 11487/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 11495/QĐ-UBND của UBND Thành phố X với số tiền là 363.443.080 đồng. Hiện số tiền trên chưa ai nhận và đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước X.

Sự thừa nhận và thống nhất của các đương sự về hàng thừa kế, mối quan hệ huyết thống và phần di sản thừa kế là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu về tính chi phí nuôi dưỡng ông Y của bà C với số tiền 244.800.000 đồng.

Xét thấy: Theo lời khai của các đương sự là bà Bùi Thị A, ông Bùi Văn T, ông Bùi Văn M và các con của ông Đ, ông U và lời khai những người hàng xóm sống bên cạnh nhà ông Y, bà C đều cho biết: Lúc sinh thời ông Y vẫn khỏe mạnh, tự sinh hoạt, tự lo cho bản thân mình được, ông thường đi làm mướn, ai thuê gì ông làm đó hoặc bắt ốc, đào ngao bán để lấy tiền tiêu xài. Ông Y không ốm đau đến mức cần phải có người chăm sóc hàng ngày. Tuy nhiên, ông bị hạn chế trí tuệ, không nhanh nhẹn nên hầu như về nhà thì bà C là người thường xuyên nấu ăn cho ông Y kể từ khi ông Y về sống tại nhà ông sát cạnh nhà bà C. Điều này cũng được các đương sự và người làm chứng thừa nhận do ông Y và bà C sống liền kề nhà nhau nên khi ông T ở nhà thì bà C có nấu cơm cho ông Y ăn. Như vậy, mặc dù không được các chị em trong gia đình phân công

hay bắt buộc nhưng bà C vẫn tự nguyện chăm sóc ông Y cũng như có công sức, quản lý duy trì tài sản mà ông Y để lại từ năm 2010 đến nay. Bà A và ông T đều đồng ý trích 50.000.000 đồng trong tổng giá trị di sản của ông Y được xem là hỗ trợ tiền công sức chăm sóc ông Y cho bà C.

Bà C yêu cầu thanh toán số tiền nuôi dưỡng ông Y 244.800.000 đồng cho bà nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà, số tiền trên cũng quá lớn so với phần di sản mà ông Y để lại và các đồng thừa kế đều không chấp nhận yêu cầu trên của bà C. Vì vậy, xét thấy cần trích cho bà C được hưởng 50.000.000 đồng tiền công sức chăm sóc ông Y là phù hợp.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu của bà C về việc tính chi phí thiết lập hồ sơ làm sổ đỏ và nộp thuế đất hàng năm cho ông Y tổng cộng 10.000.000 đồng:

Bà A khai năm 1994 ông Bùi Văn T là người đi làm giấy tờ đất cho ông Y hết 500.000 đồng, ông Bùi Văn M khai năm 1994 ông Bùi Văn T là người đi làm giấy tờ đất cho ông Y, ông không biết ai nộp tiền làm giấy tờ đất và tiền thuế đất hàng năm cho ông Y. Ông T khai ông là người đi làm giấy tờ đất cho ông Y năm 1994, bà C là người đóng tiền thuế nhận chuyển nhượng đất và nộp thuế đất hàng năm cho ông Y từ năm 1994 đến năm 2010, từ sau năm 2010 cho đến nay thì ông là người nộp thuế đất hàng năm cho ông Y. Qua các tài liệu, chứng cứ bà C cung cấp cho Tòa án 15 biên lai nộp thuế cho ông Y với tổng số tiền là 961.946.000 đồng (biên lai nộp thuế các năm 1993-1995, năm 2000 đến năm 2004 và từ 2006 đến năm 2010, biên lai nộp phí thẩm định hồ sơ và phí trước bạ nhà đất năm 2006). Đối với biên lai nộp thuế các năm từ 1996 đến năm 1999 và năm 2005, bà C làm thất lạc không cung cấp được. Tuy nhiên, ông T cũng thừa nhận bà C là người nộp thuế cho ông Y từ năm 1996 đến năm 1999 và năm 2005. Do đó, xem xét tính cho bà C nộp từ năm 1996 đến năm 1999 theo mức thuế của năm 1995 là 18.234 đồng/mỗi năm (do năm 2000 nộp gộp từ năm 2000 đến năm 2003, trong đó có cả tiền phạt nên không thể hiện số tiền thuế hàng năm), còn năm 2005 tính theo mức thuế của năm 2006 là 23.400 đồng. Như vậy tổng số tiền thuế đất mà bà C đã nộp cho ông Y là $961.946 + 72.936 + 23.400 = 1.057.482$ đồng.

[2.2.4]. Về yêu cầu tính chi phí sửa nhà của bà C cho ông Y năm 2006 là 10.000.000 đồng:

Do bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với chi phí sửa chữa nhà cho ông Y nên tại phiên tòa bà xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chi phí bà sửa chữa nhà cho ông Y nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2.5]. Về kỷ phần được phân chia:

Căn cứ theo quy định tại Điều 609, 649, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự thì di sản của ông Y là số tiền 363.443.080 đồng, sau khi trừ đi tiền công chăm sóc ông Y là 50.000.000 đồng và tiền nộp thuế đất tổng cộng 1.057.482 đồng cho bà C, số tiền còn lại 312.385.598 đồng được chia đều cho 4 chị em là bà A, bà C, ông T và ông M, mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 312.385.598 đồng: $4 = 78.096.399$ đồng.

+ Kỷ phần bà Bùi Thị A được hưởng là 78.096.399 đồng.

+ Kỷ phần ông Bùi Văn T được hưởng là 78.096.399 đồng.

+ Kỷ phần ông Bùi Văn M được hưởng là 78.096.399 đồng.

+ Bà Bùi Thị C được hưởng số tiền 50.000.000 đồng (tiền chi phí chăm sóc) + 1.057.482 (tiền nộp thuế đất) + kỷ phần là 78.096.399 đồng = 129.153.881 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận lại số tiền được hưởng theo quy định.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn M phải chịu án phí trên kỷ phần 78.096.399 đồng là 3.904.820 đồng.

- Bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị C và ông Bùi Văn T được miễn nộp tiền án phí. theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 609, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A đối với bị đơn bà Bùi Thị C về chia di sản thừa kế giá trị căn nhà và đất diện tích 24,20m², tờ bản đồ số 03, thuộc một phần thửa đất số 15 tọa lạc tại địa chỉ 1142/1/4 đường B, phường N, thành phố X theo Quyết định thu hồi đất số 11487/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 11495/QĐ-UBND của UBND Thành phố X 11/10/2021 với số tiền là 363.443.080 đồng. (Ba trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm tám mươi đồng).

+ Bà Bùi Thị A được hưởng kỷ phần là 78.096.399 đồng (Bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi chín đồng)

+ Ông Bùi Văn T được hưởng kỷ phần là 78.096.399 đồng (Bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi chín đồng)

+ Ông Bùi Văn M được hưởng kỷ phần là 78.096.399 đồng (Bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi chín đồng).

+ Bà Bùi Thị C được hưởng số tiền 50.000.000đ (tiền chi phí chăm sóc) + 1.057.482 (tiền nộp thuế đất) + kỷ phần là 78.096.399 đồng = 129.153.881 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, một trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi một đồng)

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận lại số tiền được hưởng theo quy định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị C và ông Bùi Văn T thuộc trường hợp miễn án phí.

+ Ông Bùi Văn M phải chịu án phí trên kỷ phần 78.096.399 đồng là 3.904.820 đồng (Ba triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn, tám trăm hai mươi đồng)

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKSND Tp. X;
- CCTHADS Tp. X;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Lương